TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Xây dựng M**.

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ XX, ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A– Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số X, phường Y, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Xây dựng M: Bà Nguyễn Thị Thúy A1 – Chức vụ Kế toán là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023).

Bị đơn: **Công ty TNHH G**;

Địa chỉ: Số X, ấp Y, xã M, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hồng S – Chức vụ: Giám đốc.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, đại diện bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thúy A2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Xây dựng M có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty TNHH G thi công công trình vĩa hè tại xã T3, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp. Công ty Cổ phần Xây dựng M có ký hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH G số: 85/2022/HĐKT-MK-GP ngày 11/07/2022.

Công ty TNHH G (gọi tắt Cty G) gọi điện thoại đặt hàng, cho biết thời gian giao nhận tới công trường, Cty M giao hàng tại địa điểm thời gian theo yêu cầu, hai bên xác nhận hàng hóa và tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Cty G thanh toán 100% giá trị cho Cty M ngay khi nhận được hàng hóa. Đến ngày 27/9/2022 Cty M đã xuất hóa đơn số hàng hóa đợt cuối cho Cty G, đã gửi hóa đơn, công nợ yêu cầu thanh toán số tiền còn lại là: 254.450.000 đồng nhưng đến nay Cty G vẫn chưa thanh toán cho Cty M.

Đến ngày 01/02/2023 Công ty TNHH G đã ký biên bản xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền là 254.450.000 đồng. Mặc dù Công ty Cổ phần Xây dựng M đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở nhưng Công ty TNHH G vẫn chưa thanh toán.

Nay Công ty Cổ phần Xây dựng M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH G do ông Nguyễn Văn Hồng Sương – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền nợ 254.450.000 đồng. Công ty Cổ phần Xây dựng M yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày 22/9/2023 số tiền là 254.450.000 đồng x 0,83%/tháng x 7 tháng 21 ngày = 16.261.899 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH G phải trả là 270.711.899 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 22/9/2023 cho đến khi vụ kiện kết thúc.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH G đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Công ty Cổ phần Xây dựng M cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm:

- Hợp đồng kinh tế số 85/2022/HĐKT-MK-GP ngày 11/07/2022 (Bản photo).

- Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/02/2023 (Bản photo).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Xây dựng M (Bản photo chứng thực).

- Giấy ủy quyền ngày 22/5/2023 (Bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Mai A1 (Bản photo chứng thực).

- Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Thúy A2 (Bản photo chứng thực).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định: Công ty TNHH G có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Xây dựng M số 85/2022/HĐKT-MK-GP, ngày 10/7/2022. Đến ngày 01/02/2023 Công ty TNHH G và Công ty Cổ phần Xây dựng M có ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Do Công ty TNHH G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm hợp đồng. Căn cứ khoản 1 và khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 của Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng M về việc yêu cầu Công ty TNHH G trả số tiền mua bán hàng hóa, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây dựng M và Công ty TNHH G lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại.

[4] Đối với Công ty TNHH G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định hiện nay các bên chỉ tranh chấp số tiền trên, không tranh chấp số tiền nào khác; không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; ngoài các đương sự trên thì cũng không liên quan đến đương sự nào khác nữa và cũng xác định hiện nay Công ty TNHH G vẫn đang còn hoạt động bình thường.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH G trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 254.450.000 đồng và tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, bởi lẽ: Giữa Công ty Cổ phần Xây dựng M và Công ty TNHH G có giao kết hợp đồng với nhau và có lập thành văn bản. Đồng thời, tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/02/2023 thì Công ty TNHH G xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền là 254.450.000 đồng.

Do đó, Công ty Cổ phần Xây dựng M yêu cầu Công ty TNHH G có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền 254.450.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận theo quy định Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[6] Về lãi suất chậm thanh toán: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty Cổ phần Xây dựng M yêu cầu Công ty TNHH G trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2023 đến ngày 22/9/2023 của số tiền 254.450.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 16.261.899 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng M. Buộc Công ty TNHH G có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền 254.450.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2023 đến ngày 22/9/2023 là 16.261.899 đồng, tổng cộng 270.711.899 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Xây dựng M nên Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí là 13.535.600 đồng. Công ty Cổ phần Xây dựng M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.551.000 đồng theo biên lai số 0000915 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 của Luật Thương mại; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng M.

- Buộc Công ty TNHH G có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng M số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 270.711.899 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm mười một nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH G phải chịu 13.535.600 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Xây dựng M không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.551.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai số 0000915 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Bé Hai – Phạm Phước Tâm	**Võ Thị Ngọc Minh**